

Số: 17/2023/QĐST – HNGĐ

Phú Thọ, ngày 13 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Thu Hên;

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp:
Ông Hoàng Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 43/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 36/2023/QĐ-MPH ngày 04 tháng 4 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vũ Thị Thu T, sinh năm 1988; ĐKKHKT: 766/12 SVH, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; hiện làm việc tại: Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ N; địa chỉ: Số nhà 438 N, khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Bui Quang H(Bùi Quang H), sinh năm 1987, quốc tịch Canada; hộ chiếu số GG956677 do Canada cấp ngày 10/4/2014; nơi ở hiện nay: 21 Forge Dr Toronto Ontario M3N 2R2, Canada. Người được anh H ủy quyền nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, các chi phí tố tụng và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Huy K, sinh năm 1997; Nơi ĐKKHKT: Phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các bản tự khai chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H) trình bày: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H) đăng ký kết hôn ngày 13/11/2014 tại Ủy ban nhân thành phố Hồ Chí Minh. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình tại quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Sau đó anh

Bui Quang H(Bùi Quang H) trở về Canada sinh sống và làm việc. Do khoảng cách địa lý xa xôi khiến vợ chồng không có điều kiện chia sẻ, gần gũi, quan tâm lẫn nhau vậy nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ năm 2020 tình trạng mâu thuẫn xảy ra thường xuyên hơn, ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai vợ chồng. Đã nhiều lần hai vợ chồng nói chuyện để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả tích cực, không có khả năng hàn gắn được. Nay chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H) đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều thỏa thuận thuận tình ly hôn và thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H) đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu BUI B1, sinh ngày 17/02/2011 (Quốc tịch Việt Nam) và BUI B2, sinh ngày 19/12/2012 (Quốc tịch Việt Nam). Khi ly hôn chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H) thống nhất thỏa thuận chị Trang sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu BUI B1 và cháu BUI B2. Anh Bui Quang H(Bùi Quang H) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị Thu T do chị Trang không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H) tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H) xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự : Chị Vũ Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Về chi phí giám định: Chị Vũ Thị Thu T tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí giám định và đề nghị Tòa án không ghi nhận trong Quyết định.

Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H) yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm đề nghị: Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Điều 147, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H(Bùi Quang H). Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu BUI B1, sinh ngày 17/02/2011 và cháu BUI B2, sinh ngày 19/12/2012 cho chị Vũ Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh Hkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trang không yêu cầu. Về lệ phí giải quyết việc dân sự, chi phí tố tụng: Chị Trang chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp đủ theo biên lai số AA/2020/0000445 ngày 13/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, căn cứ đơn và lời khai của các đương sự và ý kiến đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong hồ sơ thể hiện, giấy chứng nhận kết hôn và hộ chiếu công dân của Bui Quang H (Bùi Quang H) xác định anh là công dân Canada, hiện đang cư trú tại Canada; chị Vũ Thị Thu T hiện đang làm việc tại Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ N; địa chỉ: Số nhà 438 N, khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là nơi giải quyết ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ ý chí của cả hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Anh Bui Quang H (Bùi Quang H) có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo yêu cầu của chị Vũ Thị Thu T, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký, chữ viết trong đơn đề nghị mà anh Kiên gửi về. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 51) đã kết luận:

Chữ ký đứng tên Bùi Quang H và các chữ “Bui Quang H” dưới mục “Chồng; Người tự khai; Người làm đơn” trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Bản tự khai; Đơn xin giải quyết vắng mặt” (Mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký đứng tên Bùi Quang H và các chữ “Bui Quang H” dưới mục “Chồng” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” (Mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra.

Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc anh Bui Quang H (Bùi Quang H) thuận tình ly hôn với chị Vũ Thị Thu T là hoàn toàn tự nguyện.

[2.2] Về con chung: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) đều thống nhất xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu BUI B1, sinh ngày 17/02/2011 (Quốc tịch Việt Nam) và BUI B2, sinh ngày 19/12/2012 (Quốc tịch Việt Nam). Hiện nay cả hai cháu đều ở Việt Nam cùng chị T. Khi ly hôn chị Vũ

Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) thống nhất thỏa thuận chị T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu BUI B1 và BUI B2 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh Bui Quang H (Bùi Quang H) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị Thu T do chị T không yêu cầu. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, do vậy không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) xác định vợ chồng không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Việc tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí giám định của chị Vũ Thị Thu T là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 365, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 397 và Điều 469 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H).

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H): Giao con chung là cháu BUI B1, sinh ngày 17/02/2011 (Quốc tịch Việt Nam) và BUI B2, sinh ngày 19/12/2012 (Quốc tịch Việt Nam) cho chị Vũ Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh Bui Quang H (Bùi Quang H) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, do vậy không đặt ra giải quyết.

4. Về công nợ, công sức: Chị Vũ Thị Thu T và anh Bui Quang H (Bùi Quang H) xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Công nhận chị Vũ Thị Thu T tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2020/0000445 ngày 13/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Công nhận chị Vũ Thị Thu T tự nguyện nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận đã nộp đủ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Thu Hên